TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN H Đ **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **414** /2020/QĐST-HNGĐ	*H Đ, ngày 09 tháng 7 năm* 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H Đ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 399/2020/TLST-VHNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa:

Người yêu cầu:

- Chị Nguyễn Thị Hải V, sinh năm 1991.
- Anh Mai Văn T, sinh năm 1989.

Cùng có HKTT tại: Tổ 1 M, tổ dân phố 6 phường M, quận H Đ, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải V và anh Mai Văn T tự nguyện kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã G T, huyện G T, tỉnh N Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại tổ 1 M L, tổ dân phố 6 phường M L, quận H Đ, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2011thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống,vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình dẫn đến thường xuyên sảy ra xung đột. Mâu thuẫn đã được bản thân và gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nay vợ chồng đã sống ly thân, quá trình ly thân không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt. Xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nữa nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh chị thỏa thuận Chị V sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Mai Gia H, sinh ngày 17/11/2010. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng /tháng kể từ thời điểm quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc các bên có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị V, Anh T đều thống nhất xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ chung: Chị V, Anh T đều thống nhất xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về lệ phí: Chị V tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải V và anh Mai Văn T đều thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hải V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Mai Gia H, sinh ngày 17/11/2010. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng /tháng kể từ thời điểm quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc các bên có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về công nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị V tự nguyện nộp 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng lệ phí cấp dưỡng nuôi con (đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009173 ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại chi cục thi hành án dân sự quận H Đ)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận H Đ;
- UBND xã, phường nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kiểm